

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 - 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 29

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 12 năm 2018, với mã số doanh nghiệp cấp lại là 0102556300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch tiếng Anh: Education Financial Investment Joint Stock Company,

Tên viết tắt: EFI., JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang Giao dịch tại Sàn Chứng khoán Upcom . Mã cổ phiếu: EFI, Cổ phiếu của Công ty bị hạn chế giao dịch, chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại tầng 7 Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**Công ty con hợp nhất:**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Bất động sản EFI.

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản, dịch vụ quản lý tòa nhà.

Địa chỉ: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn kiếm, Thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Thành Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tài Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/4/2019
Bà Lê Phương Mai	Thành viên	
Bà Lê Ngọc	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	
Bà Dương Việt Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/4/2019

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Tài Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Đào Đức Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2019

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc Công ty, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng, bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành Báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



**Nguyễn Tài Tùng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Số. 171/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục

Kính gửi:           **Các Cổ đông**  
                          **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
                          **Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, được lập ngày 09/3/2020, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2019 là 5.700.000.000 đồng, chúng tôi không thể thu thập được hồ sơ chứng minh khoản tiền gửi kỳ hạn này là hiện hữu. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản tiền gửi có kỳ hạn này cũng như những ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Chúng tôi không thể thu thập hồ sơ chứng minh khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác số 001/2017/HTKD/EFI-A&TCORP đang được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, với số tiền là 4.500.000.000 đồng là hiện hữu. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư này cũng như những ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Như đã trình bày tại mục 5.5 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Khoản phải thu của Bùi Văn Dũng và Nguyễn Văn Ngọc tại ngày 31/12/2019 đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty số tiền lần lượt là 78.433.505.050 đồng và 3.800.418.000 đồng, chiếm hơn 92% tài sản thuần của Công ty hiện đang trong quá trình điều tra của cơ quan pháp luật về vụ án liên quan chưa có kết luận. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản phải thu nêu trên và ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2019.



---

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

---

**Nguyễn Ngọc Khánh****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>45.584.960.926</b>	<b>45.482.846.707</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>9.591.536.890</b>	<b>19.047.179.107</b>
1. Tiền	111		3.891.536.890	5.234.179.107
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.700.000.000	13.813.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>20.680.220.674</b>	<b>9.539.668.675</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.395.995.636	9.395.995.636
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(268.326.961)	(268.326.961)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.552.551.999	412.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.080.612.027</b>	<b>16.591.451.253</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.459.622.628	3.343.381.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	106.319.713
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	3.400.000.000	3.900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	89.050.389.767	89.071.150.206
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(79.829.400.368)	(79.829.400.368)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.727.273</b>	<b>26.377.273</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	7.727.273	26.377.273
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>224.864.062</b>	<b>278.170.399</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	41.155.959
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	224.864.062	237.014.440
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>46.032.096.197</b>	<b>45.774.744.545</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.107.011.006</b>	<b>3.274.498.129</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	977.011.006	1.144.498.129
- Nguyên giá	222		1.339.900.245	1.926.934.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(362.889.239)	(782.436.396)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	2.130.000.000	2.130.000.000
- Nguyên giá	228		2.190.000.000	2.190.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.000.000)	(60.000.000)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>42.474.799.999</b>	<b>42.474.799.999</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		42.863.324.999	42.863.324.999
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(388.525.000)	(388.525.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>450.285.192</b>	<b>25.446.417</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	38.285.192	25.446.417
2. Tài sản dài hạn khác	268	5.12	412.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>				
(270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>91.617.057.123</b>	<b>91.257.591.252</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

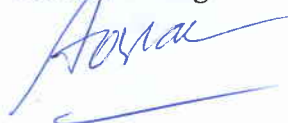
	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.009.670.990</b>	<b>1.889.595.692</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.009.670.990</b>	<b>1.889.595.692</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	605.976.339	745.524.073
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	90.721.026	278.081.206
3. Phải trả người lao động	314		454.169.393	663.265.505
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.148.853.469	181.874.145
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	-	200.000.000
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		(290.049.237)	(179.149.237)
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>89.607.386.133</b>	<b>89.367.995.560</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>89.607.386.133</b>	<b>89.367.995.560</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.800.000.000	108.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.800.000.000	108.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.454.653.077	31.454.653.077
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.326.196.908	5.326.196.908
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		(133.049.012)	(133.049.012)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(55.840.414.840)	(56.079.805.413)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(56.079.805.413)	(56.672.103.640)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		239.390.573	592.298.227
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>91.617.057.123</b>	<b>91.257.591.252</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Lập biểu



Lê Thị Vân

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tài Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	9.674.660.000	9.761.918.182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		9.674.660.000	9.761.918.182
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	9.519.206.662	9.112.328.011
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		155.453.338	649.590.171
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	2.240.276.729	2.321.998.342
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	2.459.048.101	2.251.394.852
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(63.318.034)	720.193.661
12. Thu nhập khác	31	5.22	410.909.091	13.599.135
13. Chi phí khác	32	5.22	16.555.916	12.556.949
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	394.353.175	1.042.186
15. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		331.035.141	721.235.847
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	91.644.568	128.947.116
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		239.390.573	592.288.731
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		239.390.573	592.288.731
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	22,00	54,44

Lập biểu

Lê Thị Vân

Kế toán trưởng

Lê Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tài Tùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	331.035.141	721.235.847
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	167.487.123	167.487.528
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.240.276.729)	(2.321.998.342)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.741.754.465)	(1.433.274.967)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.152.145.563	(1.440.735.241)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.650.000	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	403.247.826	2.116.533.800
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.838.775)	76.881.254
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(63.917.096)	(104.559.118)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(110.900.000)	(112.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(355.366.947)	(897.854.272)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.140.551.999)	(412.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.240.276.729	2.321.998.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.900.275.270)	1.909.998.342
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(9.455.642.217)	1.012.144.070
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.047.179.107	18.035.035.037
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	9.591.536.890	19.047.179.107

Lập biểu



Lê Thị Vân

Kế toán trưởng



Lê Thị Vân

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tài Tùng

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 – DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103021027, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 12 năm 2018, với mã số doanh nghiệp cấp lại là 0102556300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch tiếng Anh: Education Financial Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: EFL, JSC.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang Giao dịch tại Sàn Chứng khoán Upcom. Mã cổ phiếu: EFI, mã cổ phiếu của Công ty bị hạn chế giao dịch, chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần.

Trụ sở chính của Công ty: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tầng 7 Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

#### Công ty con hợp nhất:

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Bất động sản EFI.

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản, dịch vụ quản lý tòa nhà.

Địa chỉ: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính), tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện mua bán doanh nghiệp, dịch vụ tư vấn đầu tư dự án; Hoạt động tư vấn quản lý, Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường, (không bao gồm hoạt động điều tra và các hoạt động Nhà nước cấm); Xây dựng nhà các loại, chi tiết: Xây dựng trường học các cấp, xây dựng cao ốc, xây dựng các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: cung cấp các sản phẩm phục vụ việc giảng dạy trong nhà trường, kinh doanh giấy; Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, chi tiết: Dịch vụ vệ sinh học đường; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke); Điều hành tua du lịch, chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch, chi tiết: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động của Công ty trong năm là: Dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, cho các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay vốn và đầu tư chứng khoán.

**1.3. Cấu trúc Doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có công ty con sau:

Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản EFI.

Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bất động sản, dịch vụ quản lý tòa nhà.

Tỉ lệ sở hữu vốn:100%

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và ghi sổ bằng máy vi tính

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất(Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển  
Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chí.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm Báo cáo.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn; theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về quản lý tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm 2019  
(số năm)

Phương tiện vận tải truyền dẫn

08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình Công ty ghi nhận Giá trị TSCĐ Vô Hình là phần mềm chương trình “Shapping the way teach English” nhưng hiện nay chưa đưa vào sử dụng, do đó không trích khấu hao.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của

Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê kho, bến bãi) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế khác**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	60.017.760	54.790.693
Tiền gửi ngân hàng	3.831.519.130	5.179.388.414
Các khoản tương đương tiền	5.700.000.000	13.813.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>5.700.000.000</i>	<i>13.813.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b>9.591.536.890</b>	<b>19.047.179.107</b>

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty trình bày khoản tiền gửi kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam thịnh vượng (VP Bank) số tiền 5.700.000.000 đồng; Tuy nhiên, Kiểm tra hoạt động giao dịch của Công ty tại (VP Bank), Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục không có khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn nào tại Ngân hàng này, và cũng không phát sinh giao dịch với Ngân hàng này.

## HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 – DN/HN

## 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

## a. Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP kỹ nghệ Đô Thành (DTT)	127.840	108.000	(19.840)	127.840	108.000	(19.840)
Công ty CP Đầu tư & PT giáo dục HN (EID)	8.936.366.829	10.614.646.000	-	8.936.366.829	10.614.646.000	-
Công ty CP Hàng Hải Hà Nội (MHC)	95.360	68.000	(27.360)	95.360	68.000	(27.360)
Công ty CP vận tải xăng dầu VITACO (VTO)	67.955	52.500	(15.455)	67.955	52.500	(15.455)
Công ty CP Licogi 13 (LIG)	340.983.906	121.800.000	(219.183.906)	340.983.906	121.800.000	(219.183.906)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (NBE)	69.013.500	(*)	(22.200.000)	69.013.500	(*)	(22.200.000)
Công ty CP ĐT&PT Văn Lang (VLA)	22.459.846	26.600.000	-	22.459.846	24.000.000	-
Công ty cổ phần Cavico Việt Nam	26.880.400		(26.880.400)	26.880.400		(26.880.400)
<b>Tổng</b>	<b>9.395.995.636</b>	<b>10.763.274.500</b>	<b>(268.326.961)</b>	<b>9.395.995.636</b>	<b>10.760.674.500</b>	<b>(268.326.961)</b>

(\*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ trình bày theo giá trị ghi sổ. Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

## b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.552.551.999</b>	<b>11.552.551.999</b>	-	<b>412.000.000</b>	<b>412.000.000</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn	11.552.551.999	11.552.551.999	-	412.000.000	412.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>11.552.551.999</b>	<b>11.552.551.999</b>	-	<b>412.000.000</b>	<b>412.000.000</b>	-

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	166.801.160	181.897.538
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	495.895.318	495.895.318
Công ty CP Chứng khoán Alpha	35.285.451	553.848.563
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	985.645.700	985.645.700
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	647.328.000	847.000.000
Các đối tượng khác	128.666.999	279.094.583
<b>Tổng</b>	<b>2.459.622.628</b>	<b>3.343.381.702</b>

**5.4 Phải thu cho vay ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà	900.000.000	900.000.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục và Công nghệ Việt Nam	2.500.000.000	3.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>3.900.000.000</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Phải thu khác</b>	<b>89.046.389.767</b>	<b>(78.433.505.050)</b>	<b>89.064.150.206</b>	<b>(78.433.505.050)</b>
Phải thu hợp tác đầu tư (*)	1.534.150.000	-	1.534.150.000	-
Phải thu hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác số 001/2017/HTKD/EFI-A&TCORP (**)	75.000.000	-	75.000.000	-
Dự án Cầu Giấy	42.000.000	-	42.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (Cổ tức)	78.433.505.050	(78.433.505.050)	78.433.505.050	(78.433.505.050)
Bùi Văn Dũng (***)	3.800.418.000	-	3.800.418.000	-
Nguyễn Văn Ngọc (***)	1.229.959	-	36.691.091	-
BHXH nộp quá	-	-	9.579.124	-
Kinh phí công đoàn nộp quá	65.753.425	-	-	-
Lãi tiền gửi dự thu	594.333.333	-	632.806.941	-
Các khoản khác	4.000.000	-	7.000.000	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>89.050.389.767</b>	<b>(78.433.505.050)</b>	<b>89.071.150.206</b>	<b>(78.433.505.050)</b>

Đơn vị tính: VND

(\*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết số 01/2012 EFI-HĐHT, số 02/2012 EFI-HĐHT; số 03/2012 EFI-HĐHT; số 04/2012 EFI-HĐHT ngày 23/4/2012 giữa các bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha và các cá nhân khác về đầu tư chứng khoán niêm yết, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13 Mã cổ phiếu LIG.

(\*\*) Phải thu theo hợp đồng hợp tác số 001/2017/HTKD/EFI-A&TCORP, tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty chưa cung cấp cho Kiểm toán viên về hồ sơ của khoản đầu tư phải thu này.

(\*\*\*) Khoản phải thu Bùi Văn Dũng và Nguyễn Văn Ngọc là khoản tiền Bùi Văn Dũng chuyển tiền từ Tài khoản tiền gửi của Công ty vào tài khoản cá nhân của 2 đối tượng này đến nay không thu được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5.6 Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	79.829.400.368	-	79.829.400.368	-
<b><u>Trong đó:</u></b>				<b>Quá hạn trên 03 năm</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát				495.895.318
Công ty TNHH Thương mại Hải Trà				900.000.000
Bùi Văn Dũng				78.433.505.050
<b>Tổng</b>				<b>79.829.400.368</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	7.727.273	-	26.377.273	-
<b>Tổng</b>	<b>7.727.273</b>	<b>-</b>	<b>26.377.273</b>	<b>-</b>

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	1.926.934.525	1.926.934.525
Giảm trong năm	587.034.280	587.034.280
Thanh lý, nhượng bán	587.034.280	587.034.280
Số dư tại 31/12/2019	<b>1.339.900.245</b>	<b>1.339.900.245</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	782.436.396	782.436.396
Tăng trong năm	167.487.123	167.487.123
Khấu hao trong năm	167.487.123	167.487.123
Giảm trong năm	587.034.280	587.034.280
Thanh lý, nhượng bán	587.034.280	587.034.280
Số dư tại 31/12/2019	<b>362.889.239</b>	<b>362.889.239</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2019	1.144.498.129	1.144.498.129
Tại 31/12/2019	<b>977.011.006</b>	<b>977.011.006</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYỄN GIA</b>		
Số dư tại 01/01/2019	<b>2.190.000.000</b>	<b>2.190.000.000</b>
Số dư tại 31/12/2019	<b>2.190.000.000</b>	<b>2.190.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2019	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Số dư tại 31/12/2019	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2019	<b>2.130.000.000</b>	<b>2.130.000.000</b>
Tại 31/12/2019	<b>2.130.000.000</b>	<b>2.130.000.000</b>

Tài sản cố định vô hình của Công ty Bao gồm Phần mềm kế toán là 30.000.000 đồng đã khấu hao hết giá trị và Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý dạy học bằng tiếng Anh, là phần mềm chương trình “Shapping the way teach English” nhưng hiện nay chưa đưa vào sử dụng nên không trích khấu hao.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**1.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2019		01/01/2019		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>42.863.324.999</b>		<b>(388.525.000)</b>	<b>42.863.324.999</b>	-	<b>(388.525.000)</b>
Công ty cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam (1,2)	41.024.799.999	-	-	41.024.799.999	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	-	-	750.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bell Torta	388.525.000	-	(388.525.000)	388.525.000	-	(388.525.000)
<b>Tổng</b>	<b>42.863.324.999</b>	<b>(*)</b>	<b>(388.525.000)</b>	<b>42.863.324.999</b>	<b>(*)</b>	<b>(388.525.000)</b>

(\*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

Công ty cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam:

- Hợp đồng chuyển nhượng văn phòng đã được Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội trụ sở Ô D11, Lô D phố Duy Tân, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội chứng nhận: Bên chuyển nhượng Hợp đồng: Ông Nguyễn Thanh Hà sinh năm 1976, SCMND: 111268753 cấp tại Hà Tây ngày 29/11/2004, Bà Vũ Thị Ngọc Chi vợ Ông Hà sinh năm 1983, SCMND: 111897312 cấp tại Hà Nội ngày 02/8/2011, Bên nhận chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục  
 Tài sản chuyển nhượng: Diện tích sàn tầng 15 Tòa nhà Apex Tower – Lô HH3-2 Khu đô thị Mễ Trì Hạ, xã Mễ Trì, phường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm Hà Nội, của Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam – Cavico Tower,  
 Thời hạn chuyển nhượng từ ngày 01/9/2012 đến ngày 27/12/2055; giá chuyển nhượng 11.500.000.000 đồng.
- Hạch toán chuyển công nợ vay (gốc + lãi) theo biên bản thỏa thuận ngày 4/10/2012, giữa Công ty CP Tòa nhà Cavico và Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục theo đó Công ty CP tòa nhà Cavico phải thực hiện hợp đồng chứng chuyển nhượng 3 sàn văn phòng tầng 16,17,18 của tòa nhà Apex Tower. Tổng số tiền chuyển nhượng của từng sàn là 9.841.600.000 VNĐ bao gồm VAT, tổng giá trị chuyển nhượng là 29.524.799.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí CCDC xuất dùng	38.285.192	25.446.417
<b>Tổng</b>	<b>38.285.192</b>	<b>25.446.417</b>

**5.12 Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ký quỹ ký cược dài hạn	412.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>412.000.000</b>	<b>-</b>

**5.13 Phải trả người bán**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>605.976.339</b>	<b>745.524.073</b>	<b>745.524.073</b>	<b>1.388.367.006</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	166.801.160	201.808.907	201.808.907	154.948.768
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Trường Sơn Hà Nội	85.800.000	90.622.257	90.622.257	295.064.000
Công ty Cổ phần Đầu tư EXP Việt Nam	167.913.861	163.982.635	163.982.635	427.042.575
Các đối tượng khác	185.461.318	289.110.274	289.110.274	511.311.663
<b>Tổng</b>	<b>605.976.339</b>	<b>745.524.073</b>	<b>745.524.073</b>	<b>1.388.367.006</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp ngân sách Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
<b>Phải nộp</b>	<b>278.081.206</b>	<b>514.002.017</b>	<b>701.362.197</b>	<b>90.721.026</b>
Thuế giá trị gia tăng	165.454.605	378.933.227	503.350.688	41.037.144
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	72.235.837	56.658.743	15.577.094
Thuế thu nhập cá nhân	112.626.601	57.832.953	136.352.766	34.106.788
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>237.014.440</b>	<b>19.408.731</b>	<b>7.258.353</b>	<b>224.864.062</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	-	7.258.353	7.258.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp	237.014.440	19.408.731	-	217.605.709

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	51.428.084	11.633.255
Bảo hiểm y tế	-	62.928.695
Bảo hiểm thất nghiệp	-	9.886.810
Phải trả, phải nộp khác	1.097.425.385	97.425.385
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>9.020.000</i>	<i>9.020.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam</i>	<i>58.931.000</i>	<i>58.931.000</i>
<i>Huyện Bá Văn</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>1.014.474.385</i>	<i>14.474.385</i>
<b>Tổng</b>	<b>1.148.853.469</b>	<b>181.874.145</b>

6.  
G T  
HÀ  
TÀI  
D  
M  
C  
C  
T  
M  
KIỂM  
PA  
H



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**3.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Chứng khoán FPT	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
<b>Tổng</b>	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000

**3.17 Vốn chủ sở hữu**

**Biến động của vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019				01/01/2019		Đơn vị tính: VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	
Số dư tại 01/01/2018	108.800.000.000	31.454.653.077	5.326.196.908	(133.049.012)	(56.672.103.640)	88.775.697.333	
Tăng trong năm	-	-	-	-	592.288.731	592.288.731	
Lãi	-	-	-	-	592.288.731	592.288.731	
Giảm trong năm	-	-	-	-	9.496	9.496	
Giảm khác	-	-	-	-	9.496	9.496	
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>108.800.000.000</b>	<b>31.454.653.077</b>	<b>5.326.196.908</b>	<b>(133.049.012)</b>	<b>(56.079.805.413)</b>	<b>89.367.995.560</b>	
Số dư tại 01/01/2019	108.800.000.000	31.454.653.077	5.326.196.908	(133.049.012)	(56.079.805.413)	89.367.995.560	
Tăng trong năm	-	-	-	-	239.390.573	239.390.573	
Lãi	-	-	-	-	239.390.573	239.390.573	
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>108.800.000.000</b>	<b>31.454.653.077</b>	<b>5.326.196.908</b>	<b>(133.049.012)</b>	<b>(55.840.414.840)</b>	<b>89.607.386.133</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Phương Nam	12.394.000.000	12.394.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Hà Nội	10.915.000.000	10.915.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng	9.345.000.000	9.345.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	76.146.000.000	76.146.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>108.800.000.000</u></b>	<b><u>108.800.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	108.800.000.000	108.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	108.800.000.000	108.800.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.880.000	10.880.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.880.000	10.880.000
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.880.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.880.000	10.880.000
Cổ phiếu phổ thông	10.880.000	10.880.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.674.660.000	9.761.918.182
<b>Tổng</b>	<b><u>9.674.660.000</u></b>	<b><u>9.761.918.182</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	9.519.206.662	9.112.328.011
<b>Tổng</b>	<b>9.519.206.662</b>	<b>9.112.328.011</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	991.229.041	1.101.337.242
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.249.047.688	1.220.661.100
<b>Tổng</b>	<b>2.240.276.729</b>	<b>2.321.998.342</b>

**5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Chi phí quản lý</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.222.464.133	1.425.176.876
Chi phí vật liệu quản lý	-	19.081.824
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.412.172	56.924.426
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.487.123	27.914.588
Thuế phí và lệ phí	28.056.878	159.427.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	850.452.816	437.805.658
Chi phí bằng tiền khác	144.174.979	125.063.540
<b>Tổng</b>	<b>2.459.048.101</b>	<b>2.251.394.852</b>

**5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	210.909.091	-
Thu nhập khác	200.000.000	13.599.135
<b>Tổng</b>	<b>410.909.091</b>	<b>13.599.135</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khác	16.555.916	12.556.949
<b>Tổng</b>	<b>16.555.916</b>	<b>12.556.949</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>394.353.175</b>	<b>1.042.186</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	91.644.568	128.947.116
<b>Tổng</b>	<b>91.644.568</b>	<b>128.947.116</b>

**5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	239.390.573	592.288.731
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	239.390.573	592.288.731
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.880.000	10.880.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	22,00	54,44

**5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.248.784	79.881.254
Chi phí nhân công	5.333.930.567	3.488.665.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.487.123	27.914.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.741.984.390	5.243.763.568
Chi phí khác bằng tiền	678.603.899	301.341.480
<b>Tổng</b>	<b>11.978.254.763</b>	<b>9.141.565.956</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông*

		Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	Thù lao	240.000.000	375.900.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương	341.563.484	335.603.333
<b>Tổng</b>		<b>581.563.484</b>	<b>711.503.333</b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu	Tiền cổ tức	985.645.700	985.645.700
Công ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội (EID)			

**6.2 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.591.536.890	19.047.179.107
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.680.612.027	12.585.131.540
Đầu tư ngắn hạn	20.680.220.674	9.539.668.675
Đầu tư dài hạn	42.474.799.999	42.474.799.999
<b>Tổng</b>	<b>84.427.169.590</b>	<b>83.646.779.321</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	200.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.754.829.808	927.398.218

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không có, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó, không có rủi ro lãi suất

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)**

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có khoản rủi ro không đáng kể với các khách hàng hoặc đối tác và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả

31/12/2019	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.754.829.808	-	1.754.829.808
01/01/2019	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	200.000.000	-	200.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	927.398.218	-	927.398.218

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31/12/2019	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.591.536.890	-	9.591.536.890
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.680.612.027	-	11.680.612.027
Đầu tư dài hạn	-	42.474.799.999	42.474.799.999
01/01/2019	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.047.179.107	-	19.047.179.107
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.585.131.540	-	12.585.131.540
Đầu tư dài hạn	-	42.474.799.999	42.474.799.999

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**6.3 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network với ý kiến từ chối đưa ra ý kiến.

Lập biểu

**Lê Thị Vân**

Kế toán trưởng

**Lê Thị Vân**

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Tài Tùng**

